TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG HỒ** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05*/2023/HN - ST*
Ngày: *10 - 01 - 2023*
V/v tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Kiệt

2. Bà Huỳnh Kim Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

Ngày 10 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 616/2022/TLST – HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp "ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 160/2022/QĐXXST - HN ngày 29 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Xuân Đ, sinh năm 1982 (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1982 (Xin vắng mặt).

Cùng trú tại: Số 28C/5A ấp THg, xã TH, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/11/2022 và tại phiên tòa – nguyên đơn chị Đặng Xuân Đ trình bày:

Qua quen biết chị Đ và anh Nguyễn Văn M tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thành Nam, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang vào năm 2006. Vợ chồng sống chung đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh M ăn chơi, cờ bạc nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, chị Đ đã nhiều lần khuyên anh M lo làm ăn, nhưng anh M không thay đổi mà còn lừa dối chị, nên chị không còn tin tưởng anh M, đến cuối năm 2019 anh M bỏ đi cho đến nay. Chị và anh M không sống chung từ đầu năm 2020, mạnh người nào người đó sống không ai quan tâm gì đến ai. Nay tình cảm vợ chồng không còn, không còn tình nghĩa, không thể hàn

gắn được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn M.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Phúc Mạnh T, sinh ngày 28/8/2008, chị yêu cầu nuôi con, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Đ không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết

Bị đơn anh Nguyễn Văn M có văn bản nêu ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh M đồng ý ly hôn với chị Đặng Xuân Đ

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Phúc Mạnh T, sinh ngày 28/8/2008, anh M đồng ý giao cháu T cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh M không cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: Anh M không tranh chấp nên không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết

Anh M xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là "ly hôn, nuôi con", do bị đơn hiện đang cư trú tại xã Tân Hạnh, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ vào quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn M có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh M theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 120, quyển 01/2006 do Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thành Nam, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 17/11/2006 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Đ và anh M là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Đ và anh M đã có nhiều bất hòa, mâu thuẫn trầm trọng. Trên thực tế, đời sống hôn nhân giữa chị Đ và anh M không còn gắn bó, mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn, cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, mạnh ai nấy sống, vợ chồng không sống chung từ năm 2020 đến nay nên tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng hàn gắn, anh M cũng đồng ý ly hôn với chị Đ. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình yêu cầu ly hôn của chị Đ là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Đ được ly hôn với anh M.

[4] Về con chung: Xét thấy cháu Nguyễn Phúc Mạnh T, sinh ngày 28/8/2008 hiện do chị Đ đang nuôi dưỡng, cháu T có nguyện vọng được tiếp tục sống với chị Đ, anh M cũng đồng ý giao cháu T cho chị Đ nuôi dưỡng. Để đảm bảo sự phát triển về mặt thể chất và tinh thần, đồng thời để đảm bảo quyền lợi của trẻ em sau khi ly hôn, nên Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Phúc Mạnh T cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Đ không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị Đ và anh M không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét

[6] Nợ chung: Chị Đ và anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết, không xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: Buộc chị Đ phải chịu 300.000đ tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Đặng Xuân Đ được ly hôn với anh Nguyễn Văn M.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phúc Mạnh T, sinh ngày 28/8/2008 cho chị Đặng Xuân Đ tiếp tục nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Đ không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung, nên không xem xét.

4. Về tài sản chung: Chị Đ và anh M không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Buộc chị Đặng Xuân Đ nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm. Chị Đ đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0004478 ngày 16/11/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện

Long Hồ nên được khấu trừ qua.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Đặng Xuân Đ được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn M được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Đặng Thị Ngọc Tú

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long
- VKSND huyện Long Hồ;
- Chị cục THADS huyện Long Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS./.